BÀI TẬP TỔNG HỢP VỀ TÍNH TỪ

So sánh hơn – So sánh nhất – So sánh bằng

Họ và tên: _____ Lớp: _____

A ÔN TẬP CẤU TRÚC

Dạng so sánh	Tính từ ngắn	Tính từ dài
So sánh hơn	S + be + adj-er + than…	S + be + more + adj + than…
So sánh nhất	S + be + the + adj-est…	S + be + the most + adj…
So sánh bằng	S + be + as + adj + as…	S + be + as + adj + as…
So sánh không bằng	S + be + not as + adj + as…	S + be + not as + adj + as…

Lưu ý: large → larger → the largest; big → bigger → the biggest; happy → happier → the happiest; good → better → the best; bad → worse → the worst.

B BÀI TẬP

Bài 4 So sánh bằng và không bằng

Hoàn thành câu với "as … as" hoặc "not as … as", sử dụng tính từ cho sẵn và thông tin trong ngoặc.

1. Lan is 150 cm tall. Hoa is also 150 cm tall. (**as … as**)
   → Lan _____.
2. My bag costs 200,000 dong. Your bag costs 300,000 dong. (**not as … as**)
   → My bag _____.
3. My birthday is on 10 May. Nam's birthday is on 10 May too. (**the same as**)
   → My birthday _____.
4. My school uniform is blue. Her school uniform is green. (**different from**)
   → My school uniform _____.
5. This ruler is 20 cm long. That ruler is also 20 cm long. (**as … as**)
   → This ruler _____.
6. My favourite subject is English. His favourite subject is English too. (**the same as**)
   → My favourite subject _____.
7. My room is smaller than my sister's room. (**not as … as**)
   → My room _____.
8. My answer is A. Your answer is B. (**different from**)
   → My answer _____.

LIVEWORKSHEETS